

- B/c Ban TT.  
- Ban PC

Ưưư

6.6.2016

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

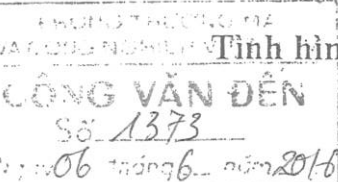
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 174/BC-SKHĐT

Bình Dương, ngày 26 tháng 05 năm 2016

## BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện Đề án Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Bình Dương năm 2015



### I. Đánh giá thực trạng các yếu tố tác động đến năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2015:

#### 1. Phân tích và đánh giá về PCI của Bình Dương năm 2015:

##### 1.1. Kết quả xếp hạng các năm:

Từ khi VCCI triển khai xây dựng PCI từ năm 2005, Bình Dương luôn là tỉnh được xếp hạng cao nhất và thuộc nhóm “rất tốt” trong 03 năm liên tục (2005: 76,8 điểm; 2006: 77,6 điểm; 2007: 77,2 điểm).

Trong 02 năm tiếp theo, Bình Dương xếp thứ 02 và vẫn thuộc nhóm “rất tốt” (2008: 71,18/71,76 điểm; 2009: 74/75 điểm).

Năm 2010, tỉnh xếp hạng 05 và thuộc nhóm “tốt” với 65,72/69,77 điểm.

Năm 2011, tỉnh xếp hạng 10 cả nước, thuộc nhóm “tốt” với 63,99/73,53 điểm.

Năm 2012, tỉnh xếp hạng 19 cả nước, thuộc nhóm “khá” với 59,64/63,79 điểm.

Năm 2013, tỉnh rơi xuống vị trí 30 giữa bảng xếp hạng (giảm từ hạng 19 xuống 30). Một số chỉ tiêu sụt giảm điểm như: Chi phí gia nhập thị trường, Tính minh bạch và Chi phí không chính thức.

Sau khi rà soát, giải quyết các vấn đề tồn tại năm trước, PCI năm 2014 của tỉnh tăng lên vị trí thứ 27 của bảng xếp hạng (tăng 3 bậc từ hạng 30 lên 27). Điểm tổng hợp (PCI score) năm 2014 của tỉnh là 58,82 điểm.

Năm 2015, chỉ số PCI của tỉnh tiếp tục được cải thiện. So với năm 2014, Bình Dương tăng thêm 2 bậc trên bảng xếp hạng (từ 27 lên 25) với điểm tổng hợp là 58,89/68,34 điểm tăng 0,07 điểm.

##### 1.2. Các chỉ số tăng điểm năm 2015

- Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất: 6,55 điểm (tăng 0,27 điểm so với năm 2014; trung bình cả nước 5,9 điểm)

- Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước: 6,85 điểm (tăng 0,26 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 6,59 điểm)

- Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh: 5,58 điểm - tăng 1,26 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 4,58 điểm)

- Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường: đạt 8,08 điểm - tăng 0,25 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5 điểm)

- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: đạt 6,66 điểm - tăng 0,39 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 6,14 điểm)

- Thiết chế pháp lý: 6,1 điểm - tăng 0,63 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,83 điểm)

- Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: 5,43 điểm – tăng 0,11 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,5 điểm)

### *1.3. Các chỉ số giảm điểm năm 2015*

- Chỉ số Chi phí không chính thức: 4,84 điểm - giảm 0,07 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,55 điểm)

- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: 5,2 điểm - giảm 0,37 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,55 điểm)

- Đào tạo lao động: 5,76 điểm - giảm 0,72 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,76 điểm)

## *2. Phân tích, đánh giá các chỉ số thành phần năm 2015 của tỉnh Bình Dương:*

Năm 2015 ghi nhận điểm trung vị PCI cả nước đạt 58,47 điểm, riêng Bình Dương đạt 58,89 điểm và nằm trong nhóm các tỉnh có chỉ số năng lực cạnh tranh khá của cả nước. Cũng theo phân tích của VCCI, lần đầu tiên sau 4 năm, khoảng cách giữa nhóm đầu bảng và cuối bảng đã bắt đầu được nới rộng. Đây cũng có thể là tín hiệu cho thấy các tỉnh “ngôi sao” đang nỗ lực cải cách mạnh mẽ hơn trong bối cảnh Việt Nam bắt đầu bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế mới. Cụ thể, điểm số PCI của Đà Nẵng đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2012 là gần 1,5 điểm trong khi đó PCI của tỉnh thấp nhất đã giảm hơn 1 điểm là tỉnh Đắk Nông.

Riêng tỉnh Bình Dương, năm 2015 tuy chỉ có 2/10 chỉ số giảm điểm nhưng lại là 2/3 chỉ số mang trọng số cao nhất hay mức ý nghĩa quan trọng nhất (chiếm 40% điểm tổng hợp) trong 10 chỉ số được VCCI khảo sát, đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến mức tăng không đáng là 0,07 điểm.

### *2.1. Các chỉ tiêu thành phần mang xu hướng tích cực, khả quan của tỉnh bao gồm:*

- Các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như thái độ phục vụ của cán bộ nhà nước đã được cải thiện đáng kể, xây dựng niềm tin trong doanh nghiệp tạo tiền đề cải thiện và nâng cao môi trường hoạt động kinh doanh, ổn định cuộc sống người dân. Cụ thể:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp phải mất hơn một tháng để khởi sự kinh doanh đã giảm đáng kể từ 22% năm 2014 xuống 10% năm 2015.

+ Số ngày doanh nghiệp đăng ký kinh doanh đã giảm từ 15 ngày năm 2014 xuống còn 8 ngày năm 2015.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ những nhiều đã giảm từ 21% năm 2014 xuống 16,67% năm 2015.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Cán bộ nhà nước thân thiện đã được nâng cao rõ rệt khi tăng 13,08% từ mức 42% năm 2014 lên 55,08% năm 2015, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn thấp hơn trung bình cả nước là 59,43%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhận thấy các thủ tục giấy tờ đã được đơn giản hóa tăng từ 44% năm 2014 lên 52,69% năm 2015.

- Thông qua các kênh thông tin truyền thông chính thống, việc công khai minh bạch thông tin về quy hoạch, kế hoạch của Tỉnh được thực hiện đúng theo phương hướng đặt ra năm 2014, qua việc:

+ Chỉ tiêu công khai thông tin các tài liệu quy hoạch đã được cải thiện khi tăng 0,26 điểm so với năm 2014

+ Tỷ lệ doanh nghiệp truy cập website Ủy ban nhân dân tỉnh để tìm kiếm thông tin cũng tăng rõ rệt từ mức 62% năm 2014 lên 78,45% năm 2015 và cao hơn trung bình cả nước là 71,91%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu kế hoạch của tỉnh cũng đã giảm 0,58% so với năm 2014.

- Về tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh, doanh nghiệp tư nhân đã có những đánh giá tích cực về UBND tỉnh thông qua các chỉ tiêu như:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân đã tăng từ 73% năm 2014 lên 85,28% năm 2015

+ UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh cũng tăng rõ rệt với mức tăng 28,5% lên mức 82,5% năm 2015, đây cũng là chỉ số Bình Dương đạt cao nhất trong 63 tỉnh thành được khảo sát.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện đã giảm 3,51% so với năm 2014.

- Theo phân tích của VCCI, Bình Dương là một trong các tỉnh có tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng với lao động hay đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp cao đạt tỷ lệ 97,11% cao hơn trung bình cả nước là 93,51%, đây cũng là tín hiệu đáng mừng khi chất lượng nguồn lao động đang được cải thiện từng bước và chiếm được lòng tin của doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Một trong các chỉ số được khảo sát mà doanh nghiệp tỏ ra lạc quan nhất nhất là thiết chế pháp lý khi có 9/11 chỉ tiêu thành phần tăng điểm thể hiện doanh nghiệp ngày càng tin tưởng hệ thống pháp lý sẽ bảo vệ các quyền và tài sản của họ; có thể khởi kiện hành vi tham nhũng của cán bộ công quyền đồng thời các phán quyết của tòa án được đưa ra đúng theo pháp luật, đúng thời hạn và các vụ kiện được giải quyết nhanh chóng.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp lý tạo ra cơ chế để doanh nghiệp có thể khởi kiện hành vi tham nhũng của cán bộ công quyền là 35,03% - tăng 9,03% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 31,39%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng hệ thống pháp lý sẽ bảo vệ hợp đồng và các quyền tài sản là 81,56 - tăng 4,56% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 81,2%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật đạt 88,82% - tăng 6,82% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 87,9%),

+ Tỷ lệ cho rằng phán quyết của tòa án là công bằng đạt 81,6% - tăng 11,6% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 81,98%).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp là 36,11% - giảm 20,89% (trung bình cả nước là 37,5%)

+ Tỷ lệ tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng là 66,25% - tăng 13,25% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 65,26%)

## *2.2. Các chỉ tiêu thành phần đáng quan ngại của tỉnh, bao gồm:*

- Hiện tại, doanh nghiệp cho rằng mất nhiều thời gian và chi phí không chính thức khi liên hệ với các cơ quan nhà nước để thực hiện các thủ tục hành chính. Điều này có thể lý giải thông qua việc các thủ tục liên quan chưa thật sự công khai, phổ biến; doanh nghiệp chưa nhận được sự hỗ trợ rõ ràng, cụ thể dẫn đến phát sinh ra các chi phí không chính thức qua đó tạo một tiền lệ tiêu cực góp phần tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội, đất đai, hải quan, an toàn cháy nổ, lao động, bảo vệ môi trường và thanh toán qua kho bạc đều là những lĩnh vực mà tỷ lệ doanh nghiệp thấy phiền hà gia tăng theo quy mô của doanh nghiệp. Cụ thể:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai đã giảm từ 65% năm 2014 xuống còn 56,67% năm 2015 và việc hướng dẫn các thủ tục này một cách rõ ràng và đầy đủ cũng giảm 6,33% so với năm 2014.

+ Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin còn nhiều hạn chế khi tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh tăng 14,45% so với năm 2014;

+ Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh đã giảm 4,24% so với năm 2014 xuống mức 87,76%

+ Tỷ lệ các tài liệu này được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt cũng giảm đáng kể từ 75% năm 2014 xuống còn 63,04% năm 2015.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để làm việc với chính quyền/thực hiện các quy định của Nhà nước đã tăng đáng kể với mức tăng 16,47% so với năm 2014.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp tốn hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức và công việc được giải quyết sau khi đã chi trả chi phí không chính thức đều tăng so với năm 2014 với mức tăng lần lượt là 5,47% và 3,58%.

- Về chỉ số tiếp cận đất đai, người dân cũng như doanh nghiệp đang thể hiện sự quan ngại khi

+ Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục đã giảm đáng kể từ 40% năm 2014 xuống 22,73% năm 2015

+ Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất tăng 0,22 điểm so với năm 2014.

+ Tỷ lệ cho rằng nếu bị thu hồi đất sẽ được bồi thường thỏa đáng cũng giảm 0,17% so với năm 2014.

- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tuy có sự cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, qua đó họ đang mất dần lòng tin vào các nhà cung cấp dịch vụ thể hiện qua các chỉ tiêu như:

+ Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp là 0,56% - giảm 0,44% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 0,77%),

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật là 26,79% - giảm 18,21% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 40,48%)

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh là 30,23% - giảm 16,77% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 37,25%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại là 20,59% - giảm 16,41% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 17,24%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ là 45,24% - giảm 74% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 42,86%)...

- Doanh nghiệp đang mất dần sự tin tưởng vào chất lượng dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp bằng chứng thông qua chất lượng đào tạo lao động chưa cao và đang ngày càng sụt giảm. Cụ thể:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông, dạy nghề còn thấp và sụt giảm so với năm 2014 với mức giảm 1,95% đối với giáo dục phổ thông và 3,76% đối với giáo dục dạy nghề.

+ Tỷ lệ tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động được khảo sát cho thấy tăng từ 4,49% năm 2014 lên 5,99% năm 2015 (trung bình cả nước là 4,57%)

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm là 30,41% - giảm 1,11% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 29,76%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân là 28,85% - giảm 9,15% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 34,38%);

+ Tỷ lệ doanh nghiệp có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp dịch vụ nói trên cho dịch vụ giới thiệu việc làm là 50% - giảm 12% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 52,38%);

+ Tỷ lệ tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động là 65% - giảm 1,5% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 7,91%)

+ Tỷ lệ số lao động của doanh nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề là 34,6% - giảm 0,12% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 36,8%).

- Doanh nghiệp cảm nhận đang phải đối mặt với cạnh tranh không lành mạnh từ các doanh nghiệp có mối quan hệ đặc biệt với quan chức tỉnh và các doanh nghiệp nhà nước cũng như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Cụ thể



- + Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn tăng 9,76% so với năm 2014
- + Tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước tăng 4,48%
- + Tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước tăng 2,69%
- + Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước tăng 6,54%
- + Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI tăng 5,19%
- + Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh tăng 7,74% so với năm 2014.

Bên cạnh các chỉ số nêu trên, năm 2015 VCCI tiếp tục tách riêng chỉ số Cơ sở hạ tầng như là chỉ số đặc biệt hữu ích để tham khảo. Chỉ số này Bình Dương được doanh nghiệp dân doanh đánh giá **tốt nhất cả nước**.

#### Đánh giá chung:

Bình Dương đánh giá cao kết quả PCI năm 2015 mà VCCI công bố. Bình Dương nghiêm túc phân tích, đánh giá các hạn chế để có giải pháp chỉ đạo, điều hành khắc phục nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài, tạo điều kiện công khai, minh bạch đơn giản hóa các quy định, quy trình rườm rà thiếu hiệu quả, các thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp mạnh dạng đầu tư, sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh.

## **II. Kết quả thực hiện Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của năm 2015**

### **1. Kết quả đạt được:**

#### *1.1. Cải cách nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế pháp lý:*

Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm sát hoạt động tư pháp, các quyết định thi hành án và việc tổ chức thi hành án. Nâng cao hoạt động của ngành Tư pháp tạo sự tin tưởng cho các doanh nghiệp đối với cơ quan Tòa án, công tố; ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành hòa giải, thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp.

Trong năm, các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp chủ yếu là các tranh chấp về kinh doanh, thương mại, các vụ án lao động, một số án dân sự và hành chính có đương sự là doanh nghiệp và yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp. Tòa án luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiến hành hòa

giải, thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp, cụ thể trong năm 2015 đã hòa giải thành công 170/528 vụ án kinh doanh, thương mại (đạt 32,1). Cũng trong năm 2015, Tòa án đã giải quyết 06/21 đơn của doanh nghiệp yêu cầu mở thủ tục phá sản đạt tỷ lệ 28,6%.

Trong năm 2015 các cấp công đoàn tiếp và tư vấn về pháp luật và các chế độ chính sách cho hơn 2.203 lượt công nhân lao động, cán bộ quản lý doanh nghiệp, các bộ công đoàn, nhận và tham gia giải quyết 545 đơn thư khiếu nại, tố cáo của người lao động.

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan cung cấp những thông tin cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp trong việc khởi kiện, kháng kiện về thương mại đối với mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu; các thủ tục phá sản, giải thể; tranh chấp giữa các doanh nghiệp trên địa bàn.

### *1.2. Phát triển và đa dạng hoá các lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp:*

Cục hải quan Bình Dương phối hợp với các cơ quan báo, đài, trang tin điện tử thực hiện trên 60 bài viết, 9 phóng sự truyền hình. Tổ chức 10 lượt tiếp xúc với đại diện doanh nghiệp; cung cấp trên 70 văn bản các loại có liên quan đến thủ tục hải quan cho phía các Hiệp hội doanh nghiệp.

Trong năm 2015, đã tư vấn thủ tục hành chính và hỗ trợ pháp lý cho 290 vụ việc tư vấn thủ tục hành chính, 105 vụ việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, 08 vụ việc khác.

Sở Công thương đã tập trung thực hiện tốt chương trình xúc tiến thương mại năm 2015, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả thương mại điện tử trong sản xuất kinh doanh. Tổ chức thành công 03 lớp tập huấn: “Xây dựng và Phát triển hệ thống thương mại điện tử”, “Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử”, “Marketing trong thương mại điện tử” cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến quy trình sản xuất, đổi mới công nghệ, đổi mới trang thiết bị tiên tiến, đào tạo lao động. Tổng kinh phí khuyến công đã thực hiện 5 tỷ 051 triệu đồng (khuyến công quốc gia 03 tỷ đồng, khuyến công địa phương là 2 tỷ 051 triệu đồng).

Triển khai các chương trình khoa học công nghệ (KH-CN), hướng dẫn thủ tục đăng ký và xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho 83 tổ chức, cá nhân; trong năm 2015, Sở Khoa học công nghệ đã hỗ trợ kinh phí cho 34 tổ chức, cá nhân với số tiền 109.305 triệu đồng.

Tổ chức đào tạo miễn phí cho doanh nghiệp về sử dụng chữ ký số, hệ thống thông tin điện tử tự động và cơ chế một cửa quốc gia (VNACCS/VCIS), hướng dẫn nghiệp vụ kê khai thuế hải quan cho doanh nghiệp. Triển khai khai thuế qua mạng cho người nộp thuế, triển khai dịch vụ thuế điện tử.



### *1.3. Nâng cao khả năng tiếp cận đất đai và sử dụng ổn định trong sử dụng đất:*

Đẩy mạnh trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thành lập và đưa vào hoạt động Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp đã góp phần đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ban quản lý các khu công nghiệp tiên hành công khai ngành nghề thu hút đầu tư của các khu công nghiệp tại cổng thông tin điện tử để các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận.

Giải quyết tốt việc khiếu nại, tố cáo nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng; phối hợp với các ngành, địa phương giải quyết dứt điểm đơn khiếu nại, tố cáo kéo dài.

Chủ động phối hợp với các chủ dự án và tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng và thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng, bàn giao đất thực hiện các dự án.

### *1.4. Giảm thiểu chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước:*

Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh đã ban hành các văn bản, phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Dương...

Sử dụng phần mềm một cửa tiếp nhận và trả kết quả để cá nhân và tổ chức có thể truy cập, tìm hiểu về tiến độ thực hiện của hồ sơ dễ dàng các thông tin về các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của các Sở, ban, ngành.

Thực hiện thủ tục hải quan thông qua Hệ thống thông quan điện tử tự động VNASCCS/VCIS cho 100% doanh nghiệp, đảm bảo thời gian thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu dưới 12 ngày, xuất khẩu dưới 10 ngày và tiếp tục giảm theo lộ trình của Tổng cục Hải quan; kê khai thuế qua mạng Internet, nộp thuế qua ngân hàng, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về người nộp thuế.

Từng bước giảm số cuộc thanh tra, kiểm tra của tất cả các cơ quan. Trong năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kiểm tra 28 doanh nghiệp, giảm 50% so với năm 2014.

### *1.5. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chi phí gia nhập thị trường:*

Xây dựng và hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục liên quan đến việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp như: quy trình cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, giấy phép lao động trên cổng thông tin điện tử tỉnh...

Tập trung kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ phận một cửa, một cửa liên thông tỉnh và cấp huyện. Triển khai hệ thống lấy số tự động trong

việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, dịch vụ tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua cổng thông tin điện tử của Ban quản lý KCN tỉnh...

#### *1.6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo lao động:*

Công tác đào tạo lao động thường xuyên được chỉ đạo, triển khai rộng rãi trong doanh nghiệp có tổ chức công đoàn trên cơ sở hưởng ứng đề án của Chính phủ về việc *Đẩy mạnh hoạt động học tập suốt đời cho công nhân lao động trong các doanh nghiệp giai đoạn 2013-2018*.

Tăng cường mở các lớp tuyển sinh tại chỗ, đào tạo tại chỗ, cấp chứng chỉ nghề và các khoản kinh phí hỗ trợ theo chính sách tại chỗ cho học viên. Chú trọng đào tạo nghề cho các đối tượng chính sách, bộ đội xuất ngũ, hộ nghèo, người tàn tật, dân tộc thiểu số, hộ di dời do giải tỏa thu hồi đất.

Đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi đầu tư xây dựng một số trường đào tạo công nhân có trình độ quốc tế.

Thực hiện các bước quy trình để phối hợp các Sở, ban, ngành tham mưu sáp nhập các trường trung cấp nghề; các trung tâm dạy nghề với trung tâm giáo dục thường xuyên – kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp cấp huyện.

Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 56 cơ sở dạy nghề, bao gồm: 06 trường cao đẳng nghề, 01 trường đại học dạy trình độ cao đẳng nghề, 07 trường trung cấp nghề, 01 trường trung cấp chuyên nghiệp dạy trình độ trung cấp nghề, 12 trung tâm dạy nghề và 29 cơ sở khác có đăng ký hoạt động dạy nghề, góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp lực lượng trí thức, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề cho tỉnh.

Trong năm 2015, toàn tỉnh đã tuyển sinh được 28.084 học viên đạt 102% kế hoạch, trong đó tuyển sinh hệ cao đẳng nghề là 1.317 sinh viên tăng 52%, hệ trung cấp nghề là 2.561 học sinh tăng 16,5% so với năm 2014; hệ sơ cấp nghề là 14.245 học sinh chiếm 51% số lượng tuyển sinh trong toàn tỉnh, còn lại là dạy nghề dưới 3 tháng. Kết quả tuyển sinh của các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề chiếm hơn 42% số lượng tuyển sinh ở ba cấp trình độ trong toàn tỉnh.

Các nghề đào tạo hiện vẫn thu hút được nhiều người học chủ yếu tập trung vào các ngành nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, như: lái xe ô tô; cắt gọt kim loại, công nghệ ô tô, điện tử công nghiệp, điện công nghiệp, lắp đặt điện; ...

Tổ chức thực hiện hơn 1200 cuộc đối thoại giữa người sử dụng lao động với công nhân lao động và cán bộ công đoàn tại nơi làm việc.

#### *1.7. Nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin:*

Đảm bảo 100% các quyết định, chính sách, quy hoạch, thủ tục hành chính được công khai, thông tin cho doanh nghiệp qua các kênh như cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Sở, ngành, địa phương, các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, đặc biệt là qua sự hoạt động cung cấp hỗ trợ thông tin của các hiệp hội doanh nghiệp.

Bố trí cán bộ thường xuyên theo dõi, tổ chức tiếp nhận các câu hỏi, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Phân loại câu hỏi và kịp thời chuyển đến các cơ quan chức năng trả lời, tổ chức tiếp nhận ý kiến trả lời của các cơ quan gửi về và đăng tải công khai nội dung trên Cổng thông tin điện tử các đơn vị.

Đưa vào sử dụng hệ thống tra cứu kết quả thực hiện thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành trong Trung tâm hành chính tập trung của Tỉnh, góp phần công khai, minh bạch tiến độ xử lý, tình trạng hồ sơ để doanh nghiệp kịp thời theo dõi, nắm bắt.

#### *1.8. Giảm thiểu chi phí không chính thức:*

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2015. Sở công thương đã mở đường dây nóng và hộp thư góp ý để công dân, tổ chức cá nhân kịp thời phản ánh những vấn đề bất cập.

Thường xuyên rà soát và đánh giá lại đội ngũ cán bộ công chức, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức về thái độ, trình độ, nhận thức và kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc trong hướng dẫn, xử lý hồ sơ và các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân. Triển khai kịp thời việc thực hiện các quy định của Nhà nước, tăng cường công tác phòng và chống tham nhũng.

#### *1.9. Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo tỉnh:*

Trong năm 2015, UBND tỉnh đã chỉ đạo sâu sát các Sở, Ban, ngành nhằm đưa ra những phương hướng nhằm hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp đang hoạt động và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác đầu tư trên địa bàn tỉnh. Cụ thể đã ban hành

Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 về việc “Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương”,

Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 15/09/2015 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2015.

Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 phê duyệt phương án triển khai dịch vụ tiếp nhận, chuyển phát nhanh kết quả thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức đến địa chỉ theo yêu cầu - giai đoạn 2015-2020.

Thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp nhằm lắng nghe ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh.

Quán triệt tới từng cán bộ công chức về quan điểm cần sáng tạo vận dụng linh hoạt, mềm dẻo các cơ chế chính sách trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, đặc biệt là tháo gỡ các trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp theo hướng tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Đề cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Thực hiện khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân đối với cơ quan quản lý nhà nước, qua đó kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém.

## **2. Những tồn tại, hạn chế cần tập trung khắc phục năm 2016 và thời gian tới:**

Với sự quan tâm của lãnh đạo các ngành, các cấp chỉ số PCI năm 2015 của tỉnh đã đạt được một số kết quả tích cực như đã nêu trên. Thực tế triển khai đề án đã có những tồn tại, hạn chế như sau:

### **2.1. Khách quan:**

- Các chính sách đã được ban hành, bổ sung, sửa đổi theo hướng thông thoáng hơn, nhưng một số chính sách vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống như việc thực hiện Nghị định 56/2009/NĐ-CP và Nghị quyết 22/NQ-CP của Chính Phủ về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đến thời điểm này, chỉ dừng lại ở mức khuyến khích chung và chưa có những quy định cụ thể về mặt bằng sản xuất, hỗ trợ DNNVV tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công...gây khó khăn cho việc hỗ trợ doanh nghiệp.

- Việc triển khai một số Luật mới trong năm nhưng các văn bản hướng dẫn chậm được ban hành nên phần nào ảnh hưởng đến quá trình xử lý hồ sơ, thủ tục cho người dân và doanh nghiệp.

- Sự thay đổi trong Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện đề án nâng cao chỉ số PCI ảnh hưởng đến sự chỉ đạo, điều hành thực hiện đề án.

### **2.2. Chủ quan:**

- Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp. Lao động chất lượng cao vẫn còn thiếu.

- Công tác cải cách hành chính hiệu quả chưa cao, tình trạng kéo dài thời gian xử lý gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư vẫn còn diễn ra.

- Thái độ, năng lực của một bộ phận cán bộ công chức trong quá trình tiếp dân, doanh nghiệp chưa tốt, chưa tạo sự hài lòng cho cá nhân, tổ chức liên hệ công tác.

## **III. Một số nhiệm vụ cần thực hiện trong năm 2016:**

Để khắc phục những hạn chế các cấp nhằm cải thiện kết quả PCI, UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 và những năm tiếp theo như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư cần nghiên cứu, rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong công tác đăng ký kinh doanh.

Triển khai thực hiện việc cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp qua mạng; phần mềm quản lý dự án đầu tư nước ngoài; xây dựng quy chế phối hợp quản lý dự án đầu tư nước ngoài với Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý VSIP để nâng cao hiệu quả quản lý và công tác tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc quy định bố trí ngành nghề sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh thành lập Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/06/2009 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Ban quản lý các KCN tỉnh và ban quản lý khu công nghiệp VSIP đôn đốc, nhắc nhở các chủ đầu tư KCN đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch được duyệt, trong đó đẩy nhanh việc đền bù, giải phóng mặt bằng, triển khai thi công đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, cấp, thoát nước, cấp điện, trồng cây xanh tập trung, xây dựng khu văn phòng, khu dịch vụ, đầu tư nâng công suất một số trạm xử lý nước thải tập trung đối các KCN gần đạt công suất.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, rút ngắn thời gian và công khai các thủ tục hành chính liên quan đến cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn, tham mưu UBND tỉnh ban hành bảng giá các loại đất hàng năm phù hợp với giá thị trường, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các bên khi tiến hành thu hồi đất của doanh nghiệp tránh gây tâm lý bất mãn, hoang mang cho các nhà đầu tư khác.

4. Sở Thông tin và Truyền thông có phương án nâng cấp trang thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, ban, ngành theo hướng: tạo điều kiện dễ dàng cho doanh nghiệp tiếp cận, truy xuất các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh, công khai danh mục và nội dung của các tài liệu quy hoạch, kế hoạch và các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt của tỉnh. Tạo diễn đàn trao đổi và phản biện chính sách cho nhân dân, doanh nghiệp và các hiệp hội ngành hàng trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ hướng dẫn hoặc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến trên các website của tỉnh và sở, ban, ngành.

5. Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Thông tin và truyền thông nghiên cứu có bước cải tiến rõ rệt bộ phận một cửa của tỉnh theo hướng hiện đại, thân thiện, công khai, minh bạch, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp khi liên hệ công tác. Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ công việc của bộ phận một cửa.



Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, tập trung vào các kỹ năng thực tế và đối tượng có tiếp xúc trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và xử lý các hồ sơ có liên quan, đặc biệt là việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử cho cán bộ; đảm bảo cán bộ công chức nắm vững chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; linh hoạt, sáng tạo trong quá trình giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, tập trung việc theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ cán bộ công chức trong quá trình thực thi công vụ, nhất là ở các khâu, các bộ phận dễ xảy ra tình trạng tiêu cực, tham nhũng, phát hiện kịp thời và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng vị trí làm việc gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

6. Cục Thuế tỉnh tập trung rà soát, giảm bớt các thủ tục gây phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, đặc biệt là các cuộc thanh, kiểm tra thuế.

7. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp các sở, ban ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản trị cho chủ các doanh nghiệp hàng năm, tránh chồng chéo, đảm bảo sự hợp lý về nội dung và thời gian tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia; tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và nâng cao tay nghề người lao động; giúp cho doanh nghiệp giảm chi phí tuyển dụng và giảm chi phí đào tạo lại lao động và nâng cao sự hài lòng với người lao động.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động dạy nghề; thường xuyên trao đổi thông tin, nhu cầu lao động thực tế với các hiệp hội doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và có phương hướng đào tạo theo hướng sát với yêu cầu.

8. Sở Công Thương tăng cường hỗ trợ các Hiệp hội ngành hàng tập trung thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại thiết thực, mang lại hiệu quả cao hỗ trợ doanh nghiệp tham gia triển lãm trong và ngoài nước nhằm giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, thị trường trong nước để tiêu thụ hàng hóa..., góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu về xuất khẩu cũng như thị trường nội địa.

Nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng trong việc cung cấp thông tin về pháp luật, thị trường, cung cấp dịch vụ kinh doanh, hỗ trợ xúc tiến thương mại, giải quyết tranh chấp; trao đổi, kiến nghị với chính quyền tỉnh các cấp về chính sách, pháp luật, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo ra một môi trường và cơ chế để có thể liên kết một cách chặt chẽ các doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh tế trong các ngành hàng và đảm bảo hiệu quả lợi ích chung của các doanh nghiệp.

9. Các sở, ban, ngành rà soát, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và thái độ ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là bộ phận một cửa và có liên quan đến việc tiếp xúc doanh nghiệp, người dân. Nghiêm túc xử lý các trường hợp những



nhiều, gây khó khăn, kém thân thiện trong quá trình tiếp người dân và doanh nghiệp. Triển khai việc thanh tra doanh nghiệp theo đúng kế hoạch, chỉ thanh tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực thi có hiệu quả các chủ trương, chính sách của UBND tỉnh.

10. Tăng cường mối liên hệ giữa hoạt động của Viện kiểm sát, Tòa án và Thi hành án dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp; thực hiện các thủ tục giải thể, phá sản của doanh nghiệp.

11. Định kỳ tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ, lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, nhà đầu tư; đảm bảo cạnh tranh công bằng giữa các thành phần doanh nghiệp trong nền kinh tế.

12. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án Nâng cao chỉ số PCI của tỉnh được phê duyệt tại quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành các địa phương, đơn vị phải công khai minh bạch, thường xuyên cập nhật thông tin, tập trung trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, đất đai, cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí, hải quan... Công bố công khai bằng nhiều hình thức về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết để hoàn thiện mẫu thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí theo quy định để người dân và doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện.

Cần đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ nhằm cải thiện chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và đào tạo lao động vì 2 chỉ số này mang trọng số lớn trong thành phần cấu thành chỉ số PCI.

Trên đây là báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Đề án Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Bình Dương phục vụ Chương trình giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH (M.H)/.
- BKT;
- BCSĐ Đề án PCI
- VCCI

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Trúc



## **PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN CẤU THÀNH CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH PCI**

### **1. Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất: 6,55 điểm (tăng 0,27 điểm so với năm 2014; trung bình cả nước 5,9 điểm)**

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng nếu bị thu hồi đất sẽ được đền bù thỏa đáng là 30,83% - giảm 0,17% so với năm 2014 (trung bình cả nước: 30%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp khảo sát cho rằng sự thay đổi khung giá đất phản ánh sự thay đổi mức giá thị trường là 76,4% - tăng 9,4% so với năm 2014 (trung bình cả nước: 76,09%);
- Tỷ lệ diện tích đất trong tỉnh có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 98,28% không đổi so với năm 2014 (trung bình cả nước: 92,43%).
- Tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 70,99% - tăng 0,99% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 57,58);
- Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục là 22,73% - giảm mạnh so với năm 2014 và thấp nhất từ trước đến nay với mức giảm 17,27%(trung bình cả nước là 34,29%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều là 16,67% - giảm 4,33% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 25,71%).
- Tỷ lệ doanh nghiệp ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh là 34,35% - tăng 5,35% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 28,33%).

### **2. Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước: 6,85 điểm (tăng 0,26 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 6,59 điểm)**

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thủ tục giấy tờ đơn giản là 52,69% - tăng 8,69% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 51,24%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh phí, lệ phí được công khai là 90,22% - tăng 0,22% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 89,32%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng không thấy bất kỳ thay đổi đáng kể nào là 4,44% - tăng 3,44% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 4,7%);
- Số cuộc thanh tra trung vị (tất cả các cơ quan) là 01 cuộc, ko thay đổi so với năm 2014 (trung bình cả nước là 2)
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để làm việc với chính quyền/thực hiện các quy định của Nhà nước là 35,47% - tăng 16,47% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 35,51%)
- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả là 66,13% - tăng 7,13% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 67,38%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ nhà nước thân thiện là 55,08% - tăng 13,08% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 59,43%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp không cần đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký là 58,2% - tăng 2,2% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 61,15%).

**3. Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh: 5,58 điểm - tăng 1,26 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 4,58 điểm)**

- Cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ hỗ trợ sản xuất kinh doanh của chính quyền đối với khu vực tư nhân là 35,84% - giảm 2,16% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 35,14%).
- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân là 85,28% - tăng 12,28% so với năm 2014 (trung bình cả nước 73,56%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh là 82,5% tăng 28,5% so với năm 2014 (trung bình cả nước 58,95%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở, ngành là 81,37% - tăng 0,37% so với năm 2014 (trung bình cả nước 79,07%);
- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện là 60,49% - giảm 3,51% so với năm 2014 (trung bình cả nước 61,95%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” là 31,82% - giảm 9,18% so với năm 2014 (trung bình cả nước 35,29%).

#### **4. Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường: đạt 8,08 điểm - tăng 0,25 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5 điểm)**

- Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận một cửa là 80,82% - tăng 4,82% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 84,78%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thủ tục tại bộ phận một cửa được niêm yết công khai là 56,67% - giảm 8,33% so với năm 2014 (trung bình cả nước 61,43%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận một cửa rõ ràng và đầy đủ là 58,67% - giảm 6,33% (trung bình cả nước là 51,98%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cán bộ tại bộ phận một cửa am hiểu về chuyên môn là 27,33% - giảm 3,67% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 28,25%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý cán bộ tại bộ phận một cửa nhiệt tình, thân thiện là 30% - giảm 1% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 40,63%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa tốt là 29,33% - tăng 2,33% so với năm 2014 (trung bình cả nước 27,72%).

- Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày là 8 ngày – giảm 7 ngày so với năm 2014 (bằng với trung bình cả nước)

- Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 07 ngày không thay đổi so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5 ngày)

- Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là 30 ngày (bằng với năm 2014 và trung bình cả nước năm 2015)

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động là 10% - giảm 12% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 12,2%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động là 2,86% - giảm 0,14% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 2,22%).

**5. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: đạt 6,66 điểm - tăng 0,39 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 6,14 điểm)**

- Ngoài 04 chỉ tiêu được cải thiện là: tính minh bạch của các tài liệu quy hoạch là 2,52 điểm - tăng 0,26 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 2,38 điểm);

- Tỷ lệ đồng ý cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu kế hoạch của tỉnh là 67,42% - giảm 0,58% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 76,19%) ;

- Tỷ lệ các Hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong tư vấn và phản biện các chính sách của tỉnh là 50% - tăng 10 % so với năm 2014 (trung bình cả nước là 43,16%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào website của UBND để tra cứu thông tin đạt 78,45% - tăng 16,45% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 71,91%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh là 61,45% (đây là chỉ tiêu tăng mạnh nhưng lại đáng lo ngại nhất, tăng 14,45% so với năm 2014 và cao hơn so với trung bình cả nước năm 2015 là 9%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh là 87,76% - giảm 4,24% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 83,33%)

- Tỷ lệ các tài liệu này được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt là 63,04% - giảm 11,96% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 70%).

- Tính minh bạch của các quyết định, nghị định đạt 3,12 điểm - giảm 0,04 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 3,03 điểm) và độ mở của trang web tỉnh đạt 33 điểm - giảm 1 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 30 điểm).

**6. Thiết chế pháp lý: 6,1 điểm - tăng 0,63 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,83 điểm)**

- Số vụ tranh chấp xét xử tại tòa án kinh tế cấp tỉnh (mà bên nguyên không phải là DNNN hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) là 0,66/100 doanh nghiệp đang hoạt động – giảm 0,61 vụ so với năm 2014 (trung bình cả nước là 0,63/100 doanh nghiệp đang hoạt động)



- Tỷ lệ nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số nguyên đơn tại toà án kinh tế tỉnh là 95,83% - tăng 2,83% so với 2014 (trung bình cả nước là 85,14%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp lý tạo ra cơ chế để doanh nghiệp có thể khởi kiện hành vi tham nhũng của cán bộ công quyền là 35,03% - tăng 9,03% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 31,39%) ;

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng hệ thống pháp lý sẽ bảo vệ hợp đồng và các quyền tài sản là 81,56 - tăng 4,56% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 81,2%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật đạt 88,82% - tăng 6,82% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 87,9%),

- Tỷ lệ cho rằng phán quyết của tòa án là công bằng đạt 81,6% - tăng 11,6% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 81,98%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp là 36,11% - giảm 20,89% (trung bình cả nước là 37,5%

- Tỷ lệ tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng là 66,25% – tăng 13,25% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 65,26%)

#### **7. Chỉ số Chi phí không chính thức: 4,84 điểm - giảm 0,07 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,55 điểm)**

- Duy chỉ có một chỉ tiêu giảm điểm là tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các doanh nghiệp cùng ngành phải trả chi phí không chính thức là 65,41% - giảm 1,59% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 66,03%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp tốn hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức là 10,47% - tăng 5,47% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 11,11%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng công việc được giải quyết sau khi đã chi trả chi phí không chính thức là 57,58% - tăng 3,58% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 62,37%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến là 76,11% - tăng 0,11% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 65,38%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được là 79,44% - trung bình cả nước là 76,84% (trung bình cả nước là 76,84%)

**8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: 5,2 điểm - giảm 0,37 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,55 điểm)**

- Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp là 0,56% - giảm 0,44% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 0,77%),

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật là 26,79% - giảm 18,21% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 40,48%)

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh là 30,23% - giảm 16,77% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 37,25%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại là 20,59% - giảm 16,41% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 17,24%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ là 45,24% - giảm 74% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 42,86%)

**9. Đào tạo lao động: 5,76 điểm - giảm 0,72 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,76 điểm)**

- Tỷ lệ tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động được khảo sát cho thấy tăng từ 4,49% năm 2014 lên 5,99% năm 2015 (trung bình cả nước là 4,57%)

- Tỷ lệ đánh giá dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp: giáo dục phổ thông tốt hoặc rất tốt là 55,19% - giảm 1,95% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 51,82%)

- Tỷ lệ đánh giá dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp: dạy nghề tốt hoặc rất tốt là 43,24% - giảm 3,76% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 31,11%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm là 30,41% - giảm 1,11% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 29,76%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân là 28,85% - giảm 9,15% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 34,38%);

- Tỷ lệ doanh nghiệp có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp dịch vụ nói trên cho dịch vụ giới thiệu việc làm là 50% - giảm 12% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 52,38%);

- Tỷ lệ tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động là 65% - giảm 1,5% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 7,91%)

- Tỷ lệ số lao động của doanh nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề là 34,6% - giảm 0,12% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 36,8%).

#### **10. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: 5,43 điểm – tăng 0,11 điểm so với năm 2014 (trung bình cả nước là 5,5 điểm)**

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý việc tỉnh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp mình là 40,76% - tăng 9,76 % so với năm 2014 (trung bình cả nước 39,29%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước là 24,69% - tăng 2,69% so với năm 2014 (trung bình cả nước 26,23%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước là 26,54% - tăng 6,54% so với năm 2014 (trung bình cả nước 23%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các tập đoàn kinh tế của Nhà nước dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là 23,46% - tăng 0,46% so với năm 2014 (trung bình cả nước 27,06%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là doanh nghiệp trong nước là 54,37% - giảm 1,63% so với năm 2014 (trung bình cả nước 47,22%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân là 60,37% - tăng 14,37% so với năm 2014 (trung bình cả nước 48,75%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI là 27,81% - giảm 5,19% so với năm 2014 (trung bình cả nước 27,81%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý miễn giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI là 28,4% - giảm 7,6% so với năm 2014 (trung bình cả nước 21,25%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh là 24,26% - giảm 7,74% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 26,1%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát đồng ý hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh là 73,51% - giảm 4,49% so với năm 2014 (trung bình cả nước 76,92%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp là 61,54% - tăng 8,54% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 56,52%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân đồng ý thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước là 31,48% - tăng 4,48% so với năm 2014 (trung bình cả nước 26,53%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước là 14,2% - giảm 14,2% so với năm 2014 (trung bình cả nước 17,76%).

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI là 31,36% - giảm 0,64% so với năm 2014 (trung bình cả nước là 20,93%).